

Số: /QĐ-UBND

Ba Tô, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ trên địa bàn xã Ba Tô năm 2025 (đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA TÔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ các Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ năm 2025 khối xã (đợt 12);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ năm 2025 khối xã (đợt 3), với **tổng số tiền đồng 9.695.733.248** (Chín tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm bốn mươi tám đồng), cụ thể cho các đơn vị sau:

1. Văn phòng HĐND và UBND xã: 3.459.497.434 đồng

2. Phòng Văn hóa – Xã hội: 836.635.150 đồng
3. Phòng Kinh tế: 696.914.888 đồng
4. Trung tâm phục vụ Hành chính công: 623.793.750 đồng
5. Văn phòng Đảng ủy: 3.470.784.526 đồng
6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 608.107.500 đồng

(Có phụ lục kèm theo)

* Nguồn phân bổ: Ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu tại Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trưởng phòng Kinh tế giải quyết kinh phí theo Điều 1 của Quyết định này từ nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu tại Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí theo Điều 1 xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí chi trả chế độ đúng đối tượng và thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị được phân bổ kinh phí tại Điều 1; Trưởng phòng giao dịch số 21-KBNN khu vực XV, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng VH&XH xã;
- VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, PKT(đththo01).

CHỦ TỊCH

Phạm Quý Đức

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch UBND xã Ba Tô)

STT	Đơn vị	Mã QHNS	Mã chương	Mã ngành	Mã nguồn	Số tiền
1	Văn phòng Đảng ủy	1163790	819	351	23	3.470.784.526
2	Ủy ban Mặt trận TQVN	1159958	820	361	23	608.107.500
3	Văn phòng HĐND&UBND	1156451	830	341	23	3.459.497.434
4	Phòng Kinh tế	1156452	831	341	23	696.914.888
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	1164255	832	341	23	836.635.150
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	1154448	833	341	23	623.793.750
	Tổng cộng					9.695.733.248

Số tiền bằng chữ: Chín tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm bốn mươi tám đồng./.